

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2021/DS- ST
Ngày: 30/9/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Hà Vinh;
2. Ông Lưu Đình Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST- DS, ngày 02 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 08 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-DS ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V (VPB).

Địa chỉ: Số 89, LH, phường LH, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm pháp luật Ngân Hàng SME và cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Ngọc V – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - VP B AMC. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị H - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn TM, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn T - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn TM, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2021 và trong các bản tự khai ngày 07/7/2021; ngày 14/9/2021, đại diện ngân hàng V - VPB (Sau đây viết tắt là Ngân hàng V) trình bày:

Bà Bùi Thị H có vay của Ngân hàng V theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN1807170804879 ngày 16/7/2018, cụ thể như sau: Số tiền vay là 68.250.000đồng; mục đích vay để tiêu dùng và mua bảo hiểm; thời hạn vay 42 tháng; lãi suất cho vay thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân là 40%/ năm; hai bên thỏa thuận bên vay trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo niên kim.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H và ông T đã trả được 14.157.546 đồng tiền gốc và 32.654.437 đồng tiền lãi, sau ngày 05/12/2019 bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn T không thực hiện trả nợ theo hợp đồng. Do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Tính đến ngày 14/9/2021 ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị H còn nợ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 108.438.344 đồng (trong đó nợ gốc là 54.092.436 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.868.079 đồng, nợ lãi quá hạn là 50.477.829 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ. Tiếp tục tính lãi phát sinh đến ngày bà H, ông T trả hết nợ cho VPB.

Tại bản tự khai ngày 30/9/2021 và trình bày tại phiên tòa, đại diện ngân hàng giữ nguyên toàn bộ các yêu cầu. Ngân hàng yêu cầu và xác định tổng số tiền ông Bùi Văn T, bà H phải thanh toán tính đến ngày 30/9/2021 là: 116.101.439 đồng (trong đó nợ gốc là 54.092.436 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.868.079 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.140.924 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H và ông T nhưng bà H và ông T đã rời khỏi địa phương, đi đâu, làm gì Chính quyền địa phương không được báo cáo và hiện nay không rõ địa chỉ nên không thể tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông T và bà H. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông T và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc ông T và bà H rời khỏi địa phương không thông báo cho chính quyền địa phương và phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của VPB. Buộc bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn T phải trả số tiền gốc còn lại và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng V và bà H và ông T đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do bà H, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Bùi Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TM, xã TL, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T.

Bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn T đã rời khỏi địa phương đến nay không rõ địa chỉ. Việc bà H và ông T thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Chính quyền địa phương cũng như không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với phía nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bà H, ông T nhưng nguyên đơn không thể xác định được địa chỉ mới của bà H, ông T và đã đề nghị Tòa án hỗ trợ về việc giao gửi tài liệu cho bị đơn theo khoản 9 Điều 70 của BLTTDS. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà H và ông T đều vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông T, bà H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H và ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ ông T và bà H đến phiên hoà giải nhưng bà H và ông T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ bà H và ông T lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng bà H và ông T vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện Ngân hàng V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN1807170804879 ngày 16/7/2018 giữa bà H (trong đó ông Bùi Văn T là người đồng vay) và Ngân hàng V có giá trị pháp lý nên bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng.

[3] Về hợp đồng vay số LN1807170804879 ngày 16/7/2018: Nội dung của hợp đồng thể hiện rõ về sự thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi

suất, mục đích sử dụng tiền vay, kỳ trả nợ gốc và nợ lãi. Ngân hàng đã giao đủ tiền cho phía bà H, ông Thứ. Trong thời hạn vay bà H và ông T đã trả được số tiền là 14.157.546 đồng tiền gốc và 32.654.437 đồng tiền lãi. Từ ngày 05/12/2019 bà H, ông T đã để nợ quá hạn kéo dài đến nay không thanh toán tiền gốc và tiền lãi, như vậy bà H, ông T đã vi phạm nghĩa vụ như thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thứ, bà H nhưng ông T và bà H không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 30/9/2021 là: 116.101.439 đồng (trong đó nợ gốc là 54.092.436 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.868.079 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.140.924 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2021 đến khi trả hết nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4 Về thời hạn trả nợ: Ngân hàng yêu cầu trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật, xét thấy bà H, ông T vắng mặt không trình bày ý kiến, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền làm một lần của Ngân hàng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $(116.101.439 \text{ đồng} \times 5\%) = 5.805.000\text{đ}$. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Khoản 1 Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 280, khoản 1 Điều 351, 357, Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 235 BLTTDS. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V (VPB).

2. Buộc bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn T phải trả cho Ngân hàng V (VPB) tổng số tiền là 116.101.439 đồng (một trăm mười sáu triệu một trăm lẻ một nghìn bốn trăm ba chín đồng), trong đó nợ gốc là 54.092.436 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.868.079 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.140.924 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2021, bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn T còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V (VPB) khoản tiền lãi theo hợp đồng số LN1807170804879 ngày 16/7/2018 cho đến khi thanh toán nợ xong số nợ trên cho Ngân hàng V (VPB).

3. Về án phí: Bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn T phải chịu 5.805.000đ (Năm triệu tám trăm lĩ năm nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng V (VPB) số tiền là 2.600.000 (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0003187 ngày 30/06/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân